

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101**

**HẢI PHÒNG, 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101**

*(Ban hành theo Quyết định số ... ngày .../.../20...  
của Hiệu trưởng Nhà trường)*

**Phê duyệt**

**Trình duyệt**

**Hiệu trưởng**  
**TS Nguyễn Tiến Thanh**

**Phụ trách ngành**  
**TS Nguyễn Thị Hoàng Đan**

# QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

**Mã học phần: PAO33031 – Số tín chỉ: 03**

Dùng cho (các) ngành: Quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Quản trị học

Hình thức đào tạo: Trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Hoàng Đan

2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

## 1. Mô tả chung về học phần

Học phần Quản trị sản xuất giúp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị DN tiếp cận và tìm hiểu kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp.

Nội dung học phần quản trị SXTN nghiên cứu về các loại hình quy trình sản xuất, dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quy trình sản xuất, hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, lập trình sản xuất, điều độ tác nghiệp, hoạch định tổng hợp và quản trị dự trữ.

Hoàn thành học phần này sinh viên hiểu được các nội dung kiến thức của quản trị SXTN vận hành. Biết vận dụng các kiến thức về quản trị SXTN vận hành để thực hành các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị SXTN vận hành.

## 2. Các chữ viết tắt (nếu có)

QTSX: Quản trị sản xuất

DN: Doanh nghiệp

SV: Sinh viên

ĐG: Đánh giá

SXTN: sản xuất tác nghiệp

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mã | Chuẩn đầu ra học phần |
|----|-----------------------|
|----|-----------------------|

|           |   |
|-----------|---|
| <b>a3</b> | <b>Vận dụng</b> kiến thức QTSX vào các hoạt động của DN như: dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quy trình sản xuất, hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, lập trình sản xuất, điều độ tác nghiệp, hoạch định tổng hợp và quản trị dự trữ. |
| <b>a4</b> | <b>Phân tích</b> được các vấn đề thuộc các hoạt động khác nhau của QTSX trong các tình huống giả định.  |
| <b>a5</b> | <b>Đánh giá</b> các vấn đề theo từng nội dung tại mỗi hoạt động khác nhau của QTSX trong từng tình huống giả định.  |
| <b>b2</b> | <b>Sử dụng</b> khả năng tra cứu thu thập thông tin, xử lý thông tin khi nghiên cứu bài tập và các nội dung được giao nghiên cứu trước ở nhà.  |
| <b>b3</b> | <b>Sử dụng</b> kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic, tư duy phản biện trong quá trình phân tích tình huống, thực hành và làm bài tập.  |
| <b>c2</b> | <b>Thực hiện</b> năng lực làm việc độc lập, năng lực làm việc đội nhóm.   |
| <b>c3</b> | <b>Duy trì</b> tác phong làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, ý thức học hỏi phát triển bản thân.  |

#### **4. Giáo trình và tài liệu học tập**

##### **4.1. Giáo trình và tài liệu học tập**

[1]. Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ (2015). *Quản trị vận hành hiện đại (Quản trị sản xuất và tác nghiệp- Bài tập và tình huống)*. Nhà xuất bản Tài chính.

##### **4.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Đồng Thanh Phương (2016). *Quản trị sản xuất và tác nghiệp (lý thuyết và bài tập)*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[3]. Nguyễn Thành Hiếu, Lương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2018). *Quản trị tác nghiệp*. Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.

[4]. Nguyễn Văn Dung (2020). *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*. Nhà xuất bản tài chính.

[5]. Tài liệu tham khảo trên mạng internet, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, báo, đài và tài liệu thực tế của các doanh nghiệp.

#### **5. Chiến lược học tập**

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập như:

- Suru tâm tài liệu liên quan đến môn học, cụ thể phải có tối thiểu 1 giáo trình tham khảo để nghiên cứu.

- Đọc và nghiên cứu trước ở nhà các tài liệu và các tình huống thực tế liên quan đến nội dung môn học.

- Thảo luận các tình huống, tham gia hỏi và trả lời các câu hỏi của giảng viên, của các sinh viên khác trong giờ.

- Làm bài tập thực hành đầy đủ.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ...

Các hoạt động giảng dạy và học tập nhằm giúp SV đạt được các chuẩn đầu ra của học phần gồm:

- ✓ Nghe giảng: Giảng lý thuyết, giảng theo phương pháp nêu vấn đề, giảng theo tình huống

- ✓ Thảo luận nhóm: theo từng chủ đề, tình huống, thuyết trình kết quả nghiên cứu thảo luận theo từng chủ đề, tình huống được giao trước.

- ✓ Nghe báo cáo chuyên đề: Tùy theo điều kiện cụ thể, các SV sẽ được tham dự một buổi báo cáo chuyên đề về các vấn đề QTSX tại các công ty, doanh nghiệp. Người báo cáo là các giám đốc, trưởng bộ phận sản xuất, giám đốc sản xuất của DN được mời về; hoặc có thể thực hiện tại các công ty, doanh nghiệp. SV tổng kết những gì học hỏi được từ việc nghe báo cáo chuyên đề và viết thu hoạch nộp cho giảng viên đứng lớp chính.

- ✓ Tham quan thực tế DN: Tùy theo điều kiện cụ thể, các SV có thể được tham quan DN để tìm hiểu về hoạt động của bộ phận sản xuất trong một công ty, mối liên hệ với các phòng ban, cơ sở hạ tầng... đang hoạt động như thế nào, được trao đổi với các nhà quản trị về các vấn đề quản trị sản xuất, quản trị vận hành trong hoạt động quản trị, kinh doanh thực tế của doanh nghiệp. Sau đó SV làm bài thu hoạch trả lời một số câu hỏi đặt ra liên quan đến vấn đề quan sát và tìm hiểu được về QTSX, bài thu hoạch nộp cho giảng viên đứng lớp chính.

- ✓ Làm bài tập thực hành của môn học: Bài tập được thực hiện theo từng chủ đề nhằm **vận dụng** kiến thức QTSX vào các hoạt động của DN như: dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn quy trình sản xuất, hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, lập trình sản xuất, điều độ tác nghiệp, hoạch định tổng hợp và quản trị dự trữ.

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

| Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá   | Hoạt động học tập của người học |     |  |   | Chuẩn đầu ra   |  |
|--|---------------------------------|-----|--|---|----------------|--|
|  | Trên lớp                        | ST  | Tự học   | SG  |                |  |
| Mở đầu: Giới thiệu môn học và các quy định chung như cách thức tổ chức hoạt động dạy và học, cách thức tổ chức hoạt động đánh giá...   |                                 | 0,5 |  |   |                |  |
| <b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SẢN XUẤT</b><br>1.1. Thực chất về quản trị sản xuất và tác nghiệp<br>1.2. Phân loại sản xuất<br>1.3. Mục tiêu của quản trị sản xuất và tác nghiệp<br>1.4. Mối quan hệ giữa quản trị sản xuất và các chức năng quản trị khác   | Nghe giảng                      | 2   | SV đọc trước tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]                          | 10  | a3<br>a4       |  |
|  | Thảo luận                       | 1   | SV nghiên cứu tình huống SXTN  | 3   | a5<br>b2       |  |
|  | Thực hành                       | 2   | SV nghiên cứu nội dung để thảo luận và thực hành về loại hình sản xuất | 2   | b3<br>c2<br>c3 |  |
|  |                                 |     |  |   |                |  |
| <b>CHƯƠNG 2: DỰ BÁO</b><br>2.1. Một số vấn đề chung về dự báo<br>2.2. Phương pháp dự báo<br>2.3. Kiểm soát và giám sát dự báo  | Nghe giảng                      | 1   | SV đọc trước tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]                          | 5   | a3<br>a4       |  |
|  | Thảo luận                       | 1   | SV nghiên cứu tình huống dự báo  | 5   | a5<br>b2       |  |
|  | Thực hành                       | 2   | SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập dự báo              | 6   | b3<br>c2<br>c3 |  |
|  | Bài tập                         | 2   |  |   |                |  |
| <b>ĐG1: 30% Bài tự luận trên lớp</b><br>SV vận dụng, phân tích, đánh giá được bản chất, đặc điểm của từng loại hình quy trình SXTN vận hành khác nhau. Căn cứ vào đặc điểm của từng loại hình quy trình SXTN vận hành sinh viên sẽ đưa ra biện pháp tác nghiệp, cách tổ chức thực hiện nhằm đạt hiệu quả của quá trình sản xuất (về năng suất, chất lượng, các vấn đề về sản phẩm, chi phí, lợi nhuận...). Đồng thời hiểu được bản chất của công tác dự báo và vận dụng được các phương pháp dự báo để thực hành dự báo trong khi thực hiện chức năng kế hoạch của người làm công tác quản trị sản xuất và tác nghiệp. |                                 |     | 1  | Đọc về loại hình quy trình SXTN vận hành sinh viên sẽ đưa ra biện pháp tác nghiệp, cách tổ chức thực hiện nhằm đạt hiệu quả của quá trình sản xuất (về năng suất, chất lượng, các vấn đề về sản phẩm, chi phí, lợi nhuận...).<br>Đọc các phương pháp dự báo |                | a3<br>a4<br>a5<br>b2<br>b3<br>c2<br>c3 |
| <b>CHƯƠNG 3: HOẠCH ĐỊNH NĂNG LỰC SẢN XUẤT</b>  | Nghe giảng                      | 1   | SV đọc trước tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]                          | 4   | a3<br>a4       |  |

|   |   |                  |  |             |  |
|---|---|------------------|--|-------------|--|
| 3.1. Một số vấn đề chung về hoạch định năng lực sản xuất<br>3.2. Phương pháp hoạch định năng lực sản xuất   | Thảo luận<br>Thực hành<br>Bài tập               | 1<br>1<br>1      | SV nghiên cứu tình huống về hoạch định năng lực sản xuất<br>SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập về hoạch định năng lực sản xuất   | 3<br>3      | a5<br>b2<br>b3<br>c2<br>c3             |
| <b>CHƯƠNG 4: XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM DOANH NGHIỆP</b><br>4.1. Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp<br>4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm doanh nghiệp<br>4.3. Các phương pháp xác định địa điểm | Nghe giảng<br>Thảo luận<br>Thực hành<br>Bài tập | 1<br>1<br>1<br>1 | SV đọc nghiên cứu trước các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]<br>SV nghiên cứu tình huống về xác định địa điểm DN<br>SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập về xác định địa điểm DN | 4<br>3<br>3 | a3<br>a4<br>a5<br>b2<br>b3<br>c2<br>c3 |
| <b>ĐG 2: 20% Bài tự luận trên lớp</b><br>Sinh viên vận dụng, phân tích, đánh giá được vấn đề quyết định để hoạch định năng lực sản xuất. Vận dụng các phương pháp định vi doanh nghiệp.                           |   | 1                | Đọc về hoạch định năng lực sản xuất và các phương pháp định vi doanh nghiệp.   |             | a3<br>a4<br>a5<br>b2<br>b3<br>c2<br>c3 |
| <b>CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP</b><br>5.1. Hoạch định tổng hợp và nhiệm vụ của hoạch định tổng hợp<br>5.2. Các chiến lược hoạch định tổng hợp<br>5.3. Phương pháp hoạch định chiến lược                         | Nghe giảng<br>Thảo luận<br>Thực hành<br>Bài tập | 1<br>1<br>1<br>2 | SV đọc nghiên cứu trước các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]<br>SV nghiên cứu tình huống về hoạch định tổng hợp<br>SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập về hoạch định tổng hợp   | 6<br>3<br>6 | a3<br>a4<br>a5<br>b2<br>b3<br>c2<br>c3 |
| <b>CHƯƠNG 6: LẬP TRÌNH SẢN XUẤT</b><br>6.1. Một số khái niệm: nguyên công, giai đoạn công nghệ, phối hợp nguyên công  | Nghe giảng                                      | 2                | SV đọc nghiên cứu trước các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]   | 10          | a3<br>a4<br>a5<br>b2<br>b3             |

|   |  |                                     |   |                            |   |
|---|--|-------------------------------------|---|----------------------------|---|
| <p>6.2. Phương pháp phối hợp nguyên công của quá trình gia công một loạt đối tượng (gồm một số đối tượng)</p> <p>6.3. Phương pháp phối hợp nhiều công việc trên một nguyên công (1 máy) (FCFS, ED, SPT và LPT)</p> <p>6.4. Phối hợp gia công nhiều loại đối tượng trong một quá trình gồm 2 nguyên công</p>   | <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Bài tập</p>                   | <p>1</p> <p>2</p> <p>3</p>          | <p>SV nghiên cứu tình huống về lập trình sản xuất</p> <p>SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập về lập trình sản xuất</p>   | <p>3</p> <p>7</p>          | <p>c2</p> <p>c3</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG 7: QUẢN TRỊ TỒN KHO VÀ HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU VẬT TƯ MRP</b></p> <p>7.1. Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến hàng dự trữ</p> <p>7.2. Kỹ thuật phân tích A-B-C trong phân loại hàng dự trữ (xét nguyên tắc Pareto)</p> <p>7.3. Nguyên tắc Just In Time.</p> <p>7.4. Các mô hình dự trữ hợp lý (dự trữ tối ưu)</p> <p>7.5. Hoạch định nhu cầu vật tư MRP</p> | <p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Bài tập</p> | <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>2</p> | <p>SV đọc nghiên cứu trước các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]</p> <p>SV nghiên cứu tình huống về quản trị tồn trữ</p> <p>SV nghiên cứu nội dung để thực hành và làm bài tập về quản trị tồn trữ</p> | <p>8</p> <p>2</p> <p>5</p> | <p>a3</p> <p>a4</p> <p>a5</p> <p>b2</p> <p>b3</p> <p>c2</p> <p>c3</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 8: ĐIỀU ĐỘ TÁC NGHIỆP</b></p> <p>8.1. Tổng quan về điều độ tác nghiệp</p> <p>8.2. Xây dựng quy trình sản xuất và tác nghiệp</p>  | <p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>                | <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p>          | <p>SV đọc nghiên cứu trước các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]</p> <p>SV nghiên cứu tình huống về điều độ tác nghiệp</p> <p>SV nghiên cứu nội dung để thực hành về điều độ tác nghiệp</p>            | <p>4</p> <p>2</p> <p>2</p> | <p>a3</p> <p>a4</p> <p>a5</p> <p>b2</p> <p>b3</p> <p>c2</p> <p>c3</p> |
| <p><b>ĐG 3: 50% Thi cuối kỳ</b></p> <p>SV vận dụng, phân tích, đánh giá trong thực hành các chiến lược thay đổi mức tồn kho, thay đổi nhân lực, thay đổi cường độ lao động, thuê gia công, sử dụng nhân công làm việc tạm thời, chủ động tác động đến cầu, đặt cọc trước và chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp từ đó biết cách huy động</p>                               |  |                                     |   |                            |   |



|   |  |                  |  |
|---|--|------------------|--|
| <p>tổng hợp các nguồn lực để hoạch định cho quá trình sản xuất và tác nghiệp vận hành.</p> <p>SV <b>vận dụng, phân tích, đánh giá</b> được các nguyên tắc và các phương pháp phối hợp các nguyên công, phối hợp các công việc như tuần tự đối tượng, tuần tự công việc, phối hợp song song, hỗn hợp và các nguyên tắc FCFS, EDD, SPT, LPT để thực hiện lập trình các quá trình sản xuất và tác nghiệp hiệu quả. Đồng thời vận dụng các kỹ thuật dự trữ hàng hóa như kỹ thuật phân tích A-B-C (nguyên tắc Pareto), nguyên tắc Just In Time, các kỹ thuật theo các mô hình dự trữ EOQ, POQ, QDM và mô hình nhóm gộp sản phẩm (nhóm gộp đơn hàng) nhằm tạo ra chuỗi cung ứng liên tục giúp cho quá trình sản xuất và tác nghiệp được ổn định, nhịp nhàng. Từ đó đề ra biện pháp bố trí sản xuất và tác nghiệp tương ứng.</p> <p>Thời gian được bố trí theo lịch thi chung của trường</p> |  |                  | <p><b>a3</b><br/><b>a4</b><br/><b>a5</b><br/><b>b2</b><br/><b>b3</b><br/><b>c2</b><br/><b>c3</b></p> |
| <p><b>Thực tế DN</b><br/><b>Hoặc Báo cáo chuyên đề</b></p>  |  |                  | <p><b>10</b></p> <p><b>a5, b3, c2, c3</b></p>  |
| <p><b>Tổng số tiết/giờ học</b></p>  |  | <p><b>45</b></p> | <p><b>120</b></p>  |

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| Phân loại         | Phương pháp đánh giá           | Tỷ trọng | Chuẩn đầu ra |    |    |    |    |    |    |
|-------------------|--------------------------------|----------|--------------|----|----|----|----|----|----|
|                   |                                |          | a3           | a4 | a5 | b2 | b3 | c2 | c3 |
| Quá trình         | ĐG1. Bài ĐG trên lớp           | 30%      | x            | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
|                   | ĐG2. Bài ĐG trên lớp           | 20%      | x            | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| Kết thúc học phần | ĐG3. Bài thi kết thúc học phần | 50%      | x            | x  | x  |    | x  |    |    |
| <i>Tổng cộng:</i> |                                |          | 100%         |    |    |    |    |    |    |

- a. **Hoạt động đánh giá 1** - Chuẩn đầu ra: **a3, a4, a5, b2, b3, c2, c3** - Tỷ lệ: **30%** điểm học phần
- Hình thức đánh giá: Bài đánh giá tự luận trên lớp
  - Mô tả bài đánh giá:

+ Về nội dung: **Phân tích bản chất, đặc điểm các loại hình quy trình sản xuất tác nghiệp.** Ứng với **đặc điểm** của từng **quy trình** đề xuất các **biện pháp tổ chức sản xuất** để **nâng cao hiệu quả sản xuất.** **Vận dụng các phương pháp dự báo** để thực hành dự báo nhu cầu cho công tác lập kế hoạch sản xuất.

+ Yêu cầu:

**Vận dụng, phân tích và đánh giá bản chất, đặc điểm của từng loại hình quy trình sản xuất** tác nghiệp vận hành khác nhau. Căn cứ vào **đặc điểm** của từng loại hình quy trình sản xuất tác nghiệp vận hành SV sẽ đưa ra **biện pháp tác nghiệp, cách tổ chức thực hiện** nhằm đạt hiệu quả của quá trình sản xuất (về năng suất, chất lượng, các vấn đề về sản phẩm, chi phí, lợi nhuận...)

**Vận dụng, phân tích và đánh giá** được các **phương pháp dự báo** để thực hành dự báo trong khi thực hiện chức năng kế hoạch của người làm công tác quản trị sản xuất và tác nghiệp

- Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá   | Khung điểm   |   |   |   |   |
|---|--|---|---|---|---|
|   | A  | B   | C   | D   | F   |
|   | 8,5 ÷ 10   | 7,0 ÷ 8,4   | 5,5 ÷ 6,9   | 4,0 ÷ 5,4   | < 4,0   |
| <b>a3: (20%) Vận dụng</b> được các vấn đề thuộc về bản chất, đặc điểm của từng loại hình quy trình sản xuất tác nghiệp vận hành khác nhau, các phương pháp dự báo   | <i>Vận dụng</i> được 85% yêu cầu của CĐR a3 bên trở lên  | <i>Vận dụng</i> được 70-84% yêu cầu của CĐR a3 bên  | <i>Vận dụng</i> được 55-69% yêu cầu của CĐR a3 bên  | <i>Vận dụng</i> được 40-54% yêu cầu của CĐR a3 bên  | <i>Vận dụng</i> được dưới 40% yêu cầu của CĐR a3 bên  |
| <b>a4: (20%) Phân tích</b> các vấn đề thuộc về bản chất, đặc điểm của từng loại hình quy trình sản xuất, các phương pháp dự báo để thực hành dự báo trong khi thực hiện chức năng kế hoạch của người làm công tác QTSX. | <i>Phân biệt</i> được 85% yêu cầu của CĐR a4 bên trở lên | <i>Phân biệt</i> được 70-84% yêu cầu của CĐR a4 bên | <i>Phân biệt</i> được 55-69% yêu cầu của CĐR a4 bên | <i>Phân biệt</i> được 40-54% yêu cầu của CĐR a4 bên | <i>Phân biệt</i> được dưới 40% yêu cầu của CĐR a4 bên |
| <b>a5: (20%) Đánh giá</b> được các loại hình sản xuất và các phương pháp dự báo để thực hành dự báo trong khi thực hiện chức năng kế hoạch của người làm công tác quản trị sản xuất và tác nghiệp                       | <i>Đánh giá</i> được 85% yêu cầu của CĐR a5 bên trở lên  | <i>Đánh giá</i> được 70-84% yêu cầu của CĐR a5 bên  | <i>Đánh giá</i> được 55-69% yêu cầu của CĐR a5 bên  | <i>Đánh giá</i> được 40-54% yêu cầu của CĐR a5 bên  | <i>Đánh giá</i> được dưới 40% yêu cầu của CĐR a5 bên  |

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm             |                   |                   |                   |                     |
|--|------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------|
|  | A                      | B                 | C                 | D                 | F                   |
|  | 8,5 ÷ 10               | 7,0 ÷ 8,4         | 5,5 ÷ 6,9         | 4,0 ÷ 5,4         | < 4,0               |
|  |                        |                   |                   |                   | CDR a5 bên          |
| <b>b2: (10%) Sử dụng</b> khả năng tra cứu thu thập thông tin, xử lý thông tin khi nghiên cứu bài tập và các nội dung được giao nghiên cứu trước.     | Đạt mức độ 85% trở lên | Đạt mức độ 70-84% | Đạt mức độ 55-69% | Đạt mức độ 40-54% | Đạt mức độ dưới 40% |
| <b>b3: (10%) Sử dụng</b> kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic, tư duy phản biện trong quá trình phân tích tình huống, thực hành và làm bài tập. | Đạt mức độ 85% trở lên | Đạt mức độ 70-84% | Đạt mức độ 55-69% | Đạt mức độ 40-54% | Đạt mức độ dưới 40% |
| <b>c2: (10%) Thực hiện</b> khả năng làm việc độ lập và làm việc nhóm   | Xuất sắc               | Tốt               | Khá               | Trung bình        | Yếu                 |
| <b>c3: (10%) Duy trì</b> tác phong làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, có ý thức học hỏi để phát triển bản thân.                                     | Xuất sắc               | Tốt               | Khá               | Trung bình        | Yếu                 |

Kết quả đánh giá chung:

$$\text{Điểm ĐG2} = 20\%a3 + 20\%a4 + 20\%a5 + 10\%b2 + 10\%b3 + 10\%c2 + 10\%c3$$

**b. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a3, a4, a5, b2, b3, c2, c3 - Tỷ lệ: 20% điểm học phần**

- Hình thức đánh giá: Bài đánh giá tự luận trên lớp
- Mô tả bài đánh giá:

+ Về nội dung: **Vận dụng** các vấn đề của hoạch định năng lực sản xuất, định vị doanh nghiệp cho quá trình sản xuất tác nghiệp vận hành.

+ Yêu cầu:

**Phân tích và đánh giá** các nội dung về hoạch định năng lực sản xuất, định vị doanh nghiệp trong QTSX.

**Vận dụng** lý thuyết quyết định để hoạch định năng lực sản xuất và Vận dụng các phương pháp định vị doanh nghiệp để thực hành và làm bài tập.

- Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá   | Khung điểm  |  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|--|
|   | A   | B  | C  | D  | F  |
|   | 8,5 ÷ 10  | 7,0 ÷ 8,4                                    | 5,5 ÷ 6,9                                    | 4,0 ÷ 5,4                                    | < 4,0  |
| <b>a3: (20%) Vận dụng</b> lý thuyết quyết định để hoạch định năng lực sản xuất và các phương pháp định vi doanh nghiệp để thực hành và làm bài tập  | Vận dụng được 85% yêu cầu của CĐR a3 bên trở lên  | Vận dụng được 70-84% yêu cầu của CĐR a3 bên  | Vận dụng được 55-69% yêu cầu của CĐR a3 bên  | Vận dụng được 40-54% yêu cầu của CĐR a3 bên  | Vận dụng được dưới 40% yêu cầu của CĐR a3 bên  |
| <b>a4: (20%) Phân tích</b> được các vấn đề về hoạch định năng lực sản xuất và định vi doanh nghiệp  | Phân biệt được 85% yêu cầu của CĐR a4 bên trở lên | Phân biệt được 70-84% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được 55-69% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được 40-54% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được dưới 40% yêu cầu của CĐR a4 bên |
| <b>a5: (20%) Đánh giá</b> các vấn đề về hoạch định năng lực sản xuất và định vi doanh nghiệp  | Đánh giá được 85% yêu cầu của CĐRa5 bên trở lên   | Đánh giá được 70-84% yêu cầu của CĐRa5 bên   | Đánh giá được 55-69% yêu cầu của CĐRa5 bên   | Đánh giá được 40-54% yêu cầu của CĐRa5 bên   | Đánh giá được dưới 40% yêu cầu của CĐRa5 bên   |
| <b>b2: (10%) Sử dụng</b> khả năng tra cứu thu thập thông tin, xử lý thông tin khi nghiên cứu bài tập và các nội dung được giao nghiên cứu trước     | Đạt mức độ 85% trở lên                            | Đạt mức độ 70-84%                            | Đạt mức độ 55-69%                            | Đạt mức độ 40-54%                            | Đạt mức độ dưới 40%                            |
| <b>b3: (10%) Sử dụng</b> kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic, tư duy phản biện trong quá trình phân tích tình huống, thực hành và làm bài tập | Đạt mức độ 85% trở lên                            | Đạt mức độ 70-84%                            | Đạt mức độ 55-69%                            | Đạt mức độ 40-54%                            | Đạt mức độ dưới 40%                            |
| <b>c2: (10%) Thực hiện</b> khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.  | Xuất sắc  | Tốt  | Khá  | Trung bình                                   | Yếu  |
| <b>c3: (10%) Duy trì</b> tác phong làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, có ý thức học hỏi để phát triển bản thân.                                    | Xuất sắc  | Tốt  | Khá  | Trung bình                                   | Yếu  |

Kết quả đánh giá chung:

$$\text{Điểm ĐG2} = 20\%a3 + 20\%a4 + 20\%a5 + 10\%b2 + 10\%b3 + 10\%c2 + 10\%c3$$

**c. Hoạt động đánh giá 3 - Chuẩn đầu ra: a3, a4, a5, b3 - Tỷ lệ: 50% điểm học phần**

- Hình thức đánh giá: Bài thi tự luận kết thúc học phần

- Mô tả bài đánh giá:

+ Về nội dung: *Vận dụng, phân tích và đánh giá* các vấn đề của hoạch định tổng hợp, lập trình sản xuất, quản trị tồn trữ.

+ Yêu cầu:

✓ *Vận dụng, phân tích và đánh giá* được các nội dung về hoạch định hoạch định tổng hợp (gồm: các chiến lược thay đổi mức tồn kho, thay đổi nhân lực, thay đổi cường độ lao động, thuê gia công, sử dụng nhân công làm việc tạm thời, chủ động tác động đến cầu, đặt cọc trước và chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp), lập trình sản xuất (gồm: các phương pháp phối hợp các nguyên công, phối hợp các công việc như tuần tự đối tượng, tuần tự công việc, phối hợp song song, hỗn hợp và các nguyên tắc FCFS, EDD, SPT, LPT) và quản trị tồn trữ (gồm: các kỹ thuật dự trữ hàng hóa như kỹ thuật phân tích A-B-C (nguyên tắc Pareto), nguyên tắc Just In Time, các kỹ thuật theo các mô hình dự trữ EOQ, POQ, QDM và mô hình nhóm gộp sản phẩm)

✓ *Vận dụng, phân tích và đánh giá* được các nội dung về hoạch định hoạch định tổng hợp (gồm: các chiến lược thay đổi mức tồn kho, thay đổi nhân lực, thay đổi cường độ lao động, thuê gia công, sử dụng nhân công làm việc tạm thời, chủ động tác động đến cầu, đặt cọc trước và chiến lược sản xuất sản phẩm hỗn hợp), lập trình sản xuất (gồm: các phương pháp phối hợp các nguyên công, phối hợp các công việc như tuần tự đối tượng, tuần tự công việc, phối hợp song song, hỗn hợp và các nguyên tắc FCFS, EDD, SPT, LPT) và quản trị tồn trữ (gồm: các kỹ thuật dự trữ hàng hóa như kỹ thuật phân tích A-B-C (nguyên tắc Pareto), nguyên tắc Just In Time, các kỹ thuật theo các mô hình dự trữ EOQ, POQ, QDM và mô hình nhóm gộp sản phẩm) để thực hành và làm bài tập

- Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm  |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|
|  | A   | B  | C  | D  | F  |
|  | 8,5 ÷ 10  | 7,0 ÷ 8,4  | 5,5 ÷ 6,9  | 4,0 ÷ 5,4  | < 4,0  |
| <b>a3: (30%)</b> <i>Vận dụng</i> các nội dung về hoạch định tổng hợp, lập trình sản xuất và quản trị tồn trữ để thực hành và làm bài tập | <i>Vận dụng</i> được 85% yêu cầu của CDR a3 bên trở lên | <i>Vận dụng</i> được 70-84% yêu cầu của CDR a3 bên | <i>Vận dụng</i> được 55-69% yêu cầu của CDR a3 bên | <i>Vận dụng</i> được 40-54% yêu cầu của CDR a3 bên | <i>Vận dụng</i> được dưới 40% yêu cầu của CDR a3 bên |

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm  |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|
|  | A   | B  | C  | D  | F  |
|  | 8,5 ÷ 10  | 7,0 ÷ 8,4                                    | 5,5 ÷ 6,9                                    | 4,0 ÷ 5,4                                    | < 4,0  |
| <b>a4: (30%)</b> Phân tích các vấn đề thuộc về nội dung hoạch định tổng hợp, lập trình sản xuất và quản trị tồn trữ                                  | Phân biệt được 85% yêu cầu của CĐR a4 bên trở lên | Phân biệt được 70-84% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được 55-69% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được 40-54% yêu cầu của CĐR a4 bên | Phân biệt được dưới 40% yêu cầu của CĐR a4 bên |
| <b>a5: (20%)</b> Đánh giá các vấn đề thuộc về nội dung hoạch định tổng hợp, lập trình sản xuất và quản trị tồn trữ                                   | Đánh giá được 85% yêu cầu của CĐR a5 bên trở lên  | Đánh giá được 70-84% yêu cầu của CĐR a5 bên  | Đánh giá được 55-69% yêu cầu của CĐR a5 bên  | Đánh giá được 40-54% yêu cầu của CĐR a5 bên  | Đánh giá được dưới 40% yêu cầu của CĐR a5 bên  |
| <b>b3: (20%)</b> Sử dụng kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic, tư duy phản biện trong quá trình phân tích tình huống, thực hành và làm bài tập. | Đạt mức độ 85% trở lên                            | Đạt mức độ 70-84%                            | Đạt mức độ 55-69%                            | Đạt mức độ 40-54%                            | Đạt mức độ dưới 40%                            |

Kết quả đánh giá chung:

$$\text{Điểm ĐG2} = 20\%a3 + 30\%a4 + 30\%a5 + 20\%b3$$

#### d. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được tính như sau:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 \times \text{điểm bài ĐG1} + 0,2 \times \text{điểm bài ĐG2} + 0,5 \times \text{điểm bài ĐG3}$$

### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy vi tính, máy chiếu, âm thanh
- Phòng học đảm bảo 2 sinh viên/ 1 bàn, có đủ ánh sáng, phân, bảng
- Sinh viên khi lên lớp cần chuẩn bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho quá trình học tập như tài liệu (có tối thiểu 1 trong số các tài liệu tham khảo tại mục 8), vở, giấy trắng, máy tính bỏ túi, thước kẻ, bút viết, ...
- Thư viện và internet phục vụ sinh viên trong quá trình học (ngoài giờ lên lớp).

### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Để tạo một môi trường cởi mở và an toàn cho các buổi học trong lớp, giảng viên phải tôn trọng sinh viên, yêu cầu sinh viên tôn trọng giảng viên và tôn trọng lẫn nhau, tránh căng thẳng, thậm chí cả khi cần phải bày tỏ ý kiến bất đồng.

Sinh viên phải tuân thủ các quy định an toàn và an ninh học đường. Nếu có vấn đề phát sinh xảy ra, cần báo cho giảng viên và bảo vệ nhà trường biết để kịp thời xử lý.

### **11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ**

- Sinh viên được chỉ được công nhận điểm đánh giá học phần khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- + Có mặt trên lớp tối thiểu 80% tổng số tiết môn học.
- + Không đi học muộn và bỏ học về sớm.
- + Không có gian lận trong quá trình làm bài tập đánh giá.
- + Phải tham gia đầy đủ cả 3 đánh giá.

- Sinh viên trượt tại ĐG nào vẫn tiếp tục học các phần tiếp theo và được ĐG lại 1 lần hoặc cải thiện ĐG thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Sinh viên không tham gia ĐG nào mà không có lý do thì ĐG đó được 0 điểm và không được phép cải thiện ĐG, có lý do sẽ được ĐG bổ sung (thời gian được sắp xếp trong quá trình học).

- Sinh viên được quyền khiếu nại về điểm bài ĐG của mình ngay sau khi nhận được kết quả. Thời gian khiếu nại kết thúc sau 1 tiết học tiếp theo kể từ khi nhận được kết quả ĐG.

- Để hoàn thành học phần này điều kiện tối thiểu sinh viên phải đạt điểm trung bình trung học phần là 5,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10). Không đạt sinh viên sẽ phải học lại.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 20...*  
**Người biên soạn**